

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

LẠI LÂM ANH. *Quản lý kinh tế biển: Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào Việt Nam*

Chuyên ngành: Kinh tế Thế giới và Quan hệ Kinh tế Quốc tế

Mã số: 62.31.07.01

Việt Nam là quốc gia ven biển có lịch sử lâu đời cũng như có nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế biển, đáng chú ý là những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên khoáng sản và nguồn lực con người. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, cho đến nay phát triển kinh tế biển của Việt Nam được đánh giá là chưa hiệu quả. Trong quá trình tìm kiếm các con đường đưa đất nước trở thành một quốc gia “mạnh về biển”, một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu là Việt Nam cần phải xây dựng chính sách quản lý kinh tế biển hiệu quả. Để thực hiện yêu cầu này, Việt Nam không những cần tổng kết kinh nghiệm quản lý kinh tế biển trong nước những năm qua, mà còn phải chú ý học hỏi kinh nghiệm nước ngoài.

Với lý do đó, NCS. Lại Lâm Anh đã chọn đề tài *Quản lý kinh tế biển: Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào Việt Nam* cho luận án của mình. Ngoài lời mở đầu, kết luận và phụ lục, luận án chia làm 3 chương.

Chương 1 (tr.14-43) trình bày *cơ sở lý luận về quản lý kinh tế biển*.

Khái niệm về kinh tế biển, cho tới nay, vẫn chưa có sự thống nhất, song nhìn chung các quan điểm đều coi kinh tế biển là các hoạt động có liên quan tới

biển. Tác giả cho rằng, “kinh tế biển là toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển (tuy không phải diễn ra trên biển nhưng hoạt động kinh tế này là nhờ vào yếu tố biển hoặc trực tiếp phục vụ các hoạt động kinh tế biển ở dải đất liền ven biển)”.

Quản lý kinh tế biển là một phần của hoạt động quản lý xã hội nói chung và là một phần của hoạt động quản lý kinh tế nói riêng mà đối tượng quản lý của nó chính là các hoạt động kinh tế biển với mục tiêu là để thúc đẩy phát triển kinh tế nói chung và thúc đẩy kinh tế biển nói riêng. Quản lý kinh tế biển gồm: Quản lý kinh tế biển ở tầm vĩ mô và quản lý kinh tế biển ở tầm vi mô. Luận án nghiên cứu quản lý kinh tế biển chủ yếu ở tầm vĩ mô.

Vai trò của quản lý kinh tế biển được thể hiện ở một số điểm sau: đề ra chiến lược phát triển kinh tế biển nhằm thúc đẩy nền kinh tế biển phát triển; tạo khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động phát triển kinh tế biển; tạo lập thể chế cho hoạt động kinh tế biển. Cụ thể là: bảo tồn và phát triển nguồn lợi thực phẩm giàu dinh dưỡng cho thế giới; quản lý để khai thác bền vững kho khoáng sản biển khổng lồ của thế giới; bảo vệ môi trường biển; thúc đẩy khai thác nguồn năng lượng lớn từ biển.

Luận án đưa ra một số quan điểm và cách tiếp cận về quản lý kinh tế biển. Trong đó, tiếp cận *quản lý tổng hợp biển* là một trong những hướng để sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Đây là phương thức quản lý có thể khắc phục được những vấn đề

còn tồn tại do các phương thức quản lý đơn ngành, riêng lẻ. Ngoài ra, luận án còn đề cập đến những vấn đề như công pháp biển quốc tế và luật pháp quốc gia về biển.

Trong chương 2 (tr.44-93), tác giả phân tích các vấn đề về *quản lý kinh tế biển của thế giới: trường hợp Trung Quốc, Malaysia và Singapore*, trong đó nội dung trọng tâm là nghiên cứu chiến lược, chính sách quản lý kinh tế biển, các cơ quan tham gia quản lý kinh tế biển; Đối tượng nghiên cứu tập trung vào 5 lĩnh vực chính: 1/ Kinh tế hàng hải (phát triển cảng biển và vận tải bằng tàu biển); 2/ Khai thác khoáng sản (chủ yếu là khai thác dầu mỏ và khí đốt); 3/ Khai thác hải sản; 4/ Phát triển du lịch biển; 5/ Phát triển các khu kinh tế ven biển. Trên cơ sở đó, đánh giá những thành công, nguyên nhân cũng như những vấn đề còn tồn tại và đưa ra một số bài học về quản lý kinh tế biển của Trung Quốc, Malaysia và Singapore, từ đó tìm ra các vấn đề có tính quy luật trong quản lý kinh tế biển thế giới, đó là:

Thứ nhất, để phát triển kinh tế biển điều quan trọng nhất là quốc gia đó phải có lợi thế về biển.

Thứ hai, phải có quan điểm, tư duy, chiến lược phát triển kinh tế biển đúng đắn: phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội đất nước, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, cần phải xây dựng được hệ thống pháp luật về biển thống nhất, có tính khả thi và hiệu lực thi hành, có tính minh bạch cao.

Thứ tư, xây dựng hệ thống các tổ chức, cơ quan làm nhiệm vụ kinh tế biển gọn nhẹ, hiệu quả.

Thứ năm, quốc gia kinh tế biển phải có cơ sở hạ tầng tốt phục vụ cho phát

triển kinh tế biển.

Thứ sáu, phải có chính sách đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực. Để xây dựng một đội ngũ nhân lực có chất lượng làm công tác biển, chính phủ phải có chính sách khuyến khích đặc biệt (lương, thuế, phúc lợi xã hội,...) cho những người làm nghề biển, đầu tư nhiều cho hoạt động đào tạo,...

Thứ bảy, có chính sách ưu tiên phát triển một số ngành nghề, một số sản phẩm chủ lực về biển.

Thứ tám, để kinh tế biển phát triển thì phải coi việc phát triển các khu kinh tế ven biển là chủ chốt, là trọng tâm bởi các khu kinh tế biển chính là “cửa sổ” để mở cửa ra bên ngoài với thế giới, là “phòng thí nghiệm” các chính sách phát triển kinh tế và trở thành các “cực tăng trưởng” của đất nước.

Thứ chín, phải có chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ biển. Đây chính là vấn đề quan trọng nhất để phát triển các ngành kinh tế biển. Chỉ có làm chủ được khoa học công nghệ mới có thể tiến hành khai thác tài nguyên biển như nước biển, gió biển, khoáng sản trong lòng biển và phát triển được đa dạng các ngành nghề kinh tế biển.

Thứ mười, quản lý kinh tế biển phải đảm bảo phát triển bền vững: Khai thác hải sản phải đi đôi với bảo tồn, duy trì và phát triển, bảo vệ môi trường biển, chú ý ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Việc khai thác quá mức của nhiều quốc gia ven biển đã dẫn tới tình trạng tài nguyên hải sản bị cạn kiệt. Điều này buộc các ngư dân ngày càng phải đánh bắt xa bờ hơn, thậm chí đánh bắt cả trên các vùng biển không thuộc phạm vi biển của mình. Hiện nay, chính phủ của phần lớn các quốc gia ven

biển cũng đã nhận thức được điều này và bắt đầu tiến hành nhiều biện pháp quản lý để duy trì bảo vệ nguồn lợi hải sản của mình.

Chương 3 (tr.94-145): *Vận dụng kinh nghiệm quản lý kinh tế biển của thế giới vào Việt Nam và một số gợi ý chính sách*. Trong chương này, luận án đi sâu phân tích vấn đề quản lý kinh tế biển Việt Nam từ trước đến nay nhằm tìm ra những hạn chế cần khắc phục, đồng thời vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc, Malaysia và Singapore vào quản lý kinh tế biển Việt Nam và đưa ra một số gợi ý chính sách.

Việt Nam là quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương có bờ biển dài trên 3.260 km, có vùng biển rộng trên 1 triệu km² (gấp hơn 3 lần diện tích đất liền), ven bờ có nhiều hòn đảo lớn - nhỏ, nhiều bãi biển đẹp, nguồn hải sản phong phú, biển có trữ lượng khoáng sản lớn (đặc biệt là dầu mỏ),... Việt Nam có vị trí địa kinh tế và địa chiến lược đặc biệt - nằm trên các tuyến hàng hải và các luồng giao thông quốc tế chủ yếu. Các ngành kinh tế biển có khả năng phát triển là kinh tế hàng hải, khai thác hải sản, du lịch biển và phát triển các khu kinh tế ven biển... Việc khai thác nguồn lợi biển đã có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước. Các ngành kinh tế biển luôn chiếm tỷ trọng lớn trong phát triển kinh tế của Việt Nam. Năm 2011, ước tính tỷ trọng các ngành kinh tế biển và liên quan đến biển chiếm khoảng 48% GDP cả nước. Tuy nhiên, kinh tế biển của Việt Nam vẫn chưa thực sự phát triển tương ứng với nhu cầu đặt ra, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của mình. Theo đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu, việc tận dụng lợi thế tinh của Việt Nam chủ yếu vẫn theo hình thức khai thác tài nguyên thô,

trình độ công nghệ thấp, chưa tạo được giá trị gia tăng lớn cho những ngành kinh tế từ biển. Khai thác hàng hải, cảng biển và du lịch nhìn chung vẫn ở trình độ thấp, sức cạnh tranh còn kém. Thế kỷ XIX được thế giới xem là “*Thế kỷ của đại dương*”, nhiều quốc gia trên thế giới đang hướng mạnh ra biển. Để trở thành một quốc gia biển thì cần hội đủ ba thế mạnh về kinh tế biển, khoa học biển và về thực lực quản lý tổng hợp biển.

Từ việc nghiên cứu kinh tế biển của một số nước trên thế giới, tác giả nhận thấy, để phát triển kinh tế biển mạnh hơn nữa, Việt Nam cần đặc biệt lưu ý tới việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển đúng đắn: các chính sách phát triển kinh tế biển Việt Nam phải hướng tới phát huy lợi thế địa kinh tế trong phát triển kinh tế biển Việt Nam, cần đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển; hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan tới biển và phát triển kinh tế biển; đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại; hoàn thiện công tác quản lý tổng hợp biển; đầu tư phát triển nguồn nhân lực, phát triển các khu kinh tế ven biển. Bên cạnh đó, Việt Nam cần thực hiện các chính sách ưu đãi khuyến khích phát triển kinh tế biển một cách có trọng điểm và có hiệu quả. Chú trọng phát triển những ngành kinh tế biển mũi nhọn như: Phát triển cảng biển, cơ sở hạ tầng, khai thác dầu khí, khai thác hải sản, du lịch biển, phát triển các khu kinh tế ven biển.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, năm 2014.

HN.
giới thiệu